

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL24BTS**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01185**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996				9	8.0				8.3		8.3
2	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990				10	9.0				9.8		9.6
3	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988				9	8.0				7.8		8.0
4	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992				5	5.0				0.0		2.0
5	2453801010005	Đặng Nguyễn Xuân Dương	09/03/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
6	2453801010006	Trần Cường Em	03/10/1993				10	8.0				9.8		9.3
7	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	20/05/1991				9	8.0				9.0		8.7
8	2453801010008	Lê Huỳnh Hào	28/06/1983				9	8.0				9.3		8.9
9	2453801010009	Lê Hùng Hào	13/08/1995				10	8.0				9.5		9.2
10	2453801010010	Trần Vĩ Khang	06/11/2004				10	9.0				9.8		9.6
11	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh Khoa	31/08/2008				9	8.0				7.5		7.8
12	2453801010012	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/04/1998				8	7.0				9.3		8.5
13	2453801010013	Phan Hoàng Phú Lâm	22/12/2001				9	7.0				8.3		8.0
14	2453801010014	Nguyễn Thị Thuỳ Liên	19/08/2003				9	8.0				10.0		9.3
15	2453801010015	Trần Thị Mỹ Linh	21/06/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
16	2453801010016	Võ Quang Linh	05/02/1987				9	9.0				8.3		8.6
17	2453801010017	Đỗ Thành Lợi	10/10/2004				10	8.0				9.8		9.3
18	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học Luật	20/10/1987				9	9.0				9.3		9.2
19	2453801010019	Lâm Thị Trúc Ly	01/01/1989				10	8.0				9.5		9.2
20	2453801010020	Huỳnh Thị Thu Lý	28/06/1992				9	7.0				9.0		8.5
21	2453801010021	Hứa Hoàng Nam	04/11/1982				8	7.0				9.0		8.3
22	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên Nga	06/02/1987				8	7.0				7.5		7.4
23	2453801010023	Châu Thi Lan Ngọc	15/10/2001				9	8.0				10.0		9.3
24	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/04/2006				10	8.0				9.8		9.3
25	2453801010025	Lư Hoàng Phương	19/03/1999				5	7.0				8.8		7.8
26	2453801010026	Chau Thi	03/03/1998				9	7.0				9.0		8.5
27	2453801010027	Nguyễn Tấn Thủ	01/01/1982				10	9.0				9.5		9.4
28	2453801010028	Ngô Lê Thái Thuận	08/05/2004				9	8.0				9.8		9.2
29	2453801010029	Khuru Thị Thanh Thuý	11/11/1999				9	9.0				9.3		9.2
30	2453801010030	Nguyễn Ngọc Trí	01/04/1995				10	9.0				9.3		9.3
31	2453801010031	Nguyễn Thanh Tùng	10/07/1987				9	9.0				8.3		8.6
32	2453801010032	Hà Thị Kim Tuyền	20/02/1998				9	8.0				9.3		8.9
33	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10/01/1979				9	8.0				9.5		9.0
34	2453801010034	Dương Quốc Vũ	06/09/1994				10	8.0				8.3		8.4
35	2453801010035	Khuru Thuý Vy	05/02/2005				10	8.0				9.5		9.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 9 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quang Huy